

Tiểu thuyết tiên phong Trung Quốc và quá trình chuyển hướng sáng tác của các tiểu thuyết gia

Nguyễn Thị Hiền^(*)

Tóm tắt: Bắt đầu từ thập niên 1980, tiểu thuyết tiên phong Trung Quốc trải qua hai cao trào và hai giai đoạn phát triển chủ yếu, sau đó đi vào thoái trào nhưng lại được phục hưng từ những năm 1990 đến nay. Trong giai đoạn phục hưng, một số tiểu thuyết gia tiên phong (nổi bật là Dư Hoa, Tô Đồng, Mạc Ngôn, Lâm Bạch và một số nhà văn "thời đại tân sinh", "hậu 70") đã có sự chuyển hướng trong sáng tác: quay về tự sự truyền thống, khai thác sáng tác dân gian, phản ánh đời sống hiện thực và sáng tác tự giác. Bài viết tìm hiểu quá trình hình thành, phát triển của tiểu thuyết tiên phong Trung Quốc và sự chuyển hướng sáng tác của các tiểu thuyết gia theo trào lưu này.

Từ khóa: Văn học Trung Quốc, Tiểu thuyết tiên phong, Quá trình hình thành, Chuyển hướng sáng tác, Thế kỷ XXI, Trung Quốc

Abstract: *Beginning in the 1980s, Chinese avant-garde fiction had gone through two major development stages with two respective climaxes, followed by a decline before its revision since the 1990s. During the revival period, some avant-garde writers, notably Yu Hua, Su Tong, Mo Yan, Lin Bai and others of "new age" and "post 70" schools have changed their writing style. Returning to the traditional narrative techniques and exploiting folk literature, they reflect the reality of life with a sense of self-consciousness. The paper analyses the development of Chinese avant-garde fiction with a focus on the change process of some prominent writers' narrative styles.*

Key words: Chinese Literature, Avant-garde Fiction, Development Process, Changes in Narrative Styles, 21st Century, China

1. Đặt vấn đề

Trong văn học và nghệ thuật thế giới, "tiên phong" là thuật ngữ tương đối phức tạp, chủ yếu chỉ trào lưu đổi mới hình thức mang tính thực nghiệm. "Tiên phong" còn có thể được hiểu là "một khuynh

hướng, một tinh thần, một tư thế thái độ, một phương pháp hay một quá trình. Tiên phong được dùng trong lĩnh vực văn học nghệ thuật theo nghĩa ẩn dụ, đã xuất hiện từ nửa sau thế kỷ XVI tại Pháp, chủ yếu ứng dụng vào lĩnh vực thơ ca" (Calinescu, 2003: 105-106).

Phương pháp phân loại trong lý luận văn học truyền thống châu Âu chia văn học tiên phong thành thơ ca, tân văn, hí kịch, nhưng

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hienthongtinguvan@gmail.com

lý luận văn học Trung Quốc hiện đại chia văn học tiên phong thành bốn thể loại: thơ ca, tản văn, tiểu thuyết, hi kịch. Theo Matei Calinescu, “phái tiên phong là ý thức đi trước thời đại. Ý thức đó khiến một nhà văn cảm thấy có sứ mệnh, đưa đến cho họ đặc quyền và trách nhiệm của người lãnh đạo. Trở thành một thành viên trong phái tiên phong là trở thành một bộ phận của tầng lớp tinh anh, khái niệm tinh anh cũng hàm chứa cả khái niệm tiên phong” (Matei Calinescu, 2003: 112, 155). Mã Nguyên cho rằng, “tiên phong là định nghĩa của các nhà lý luận,... là sử dụng một góc độ mới, phương pháp mới, phán đoán giá trị mới” (Theo: Lý Lăng Tuấn, Tăng Duy Bình, 2003).

Bài viết sử dụng khái niệm tiểu thuyết tiên phong được hiểu theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp: nghĩa rộng chỉ những sáng tác có tính thần tiên phong; nghĩa hẹp chỉ trào lưu sáng tác tiểu thuyết xuất hiện vào thập niên 1980 lấy sự khai thác và đổi mới về hình thức làm đặc trưng chủ yếu.

Tiểu thuyết tiên phong Trung Quốc chú trọng “tự giác văn thể” (tính hư cấu), ý nghĩa và sự thay đổi phương pháp tự sự nên có tính thực nghiệm mạnh mẽ, vì vậy còn được gọi là “tiểu thuyết thực nghiệm”.

2. Sự hình thành và phát triển của tiểu thuyết tiên phong Trung Quốc

Tại Trung Quốc, tiểu thuyết tiên phong còn được gọi là tiểu thuyết trào lưu mới, chủ yếu chỉ tiểu thuyết của nhóm nhà văn có sự tìm hiểu và tinh thần đổi mới vào thập niên 1980. Một nhóm nhà văn Trung Quốc phá vỡ quy tắc truyền thống, không ngừng đổi mới về hình thức và phong cách nghệ thuật, từ đó đi vào những đề tài cấm kỵ, rời bỏ trật tự cũ, tuyên chiến với văn hóa và niềm tin giáo điều truyền thống, tuyên bố “tính chủ thể”, hình thành tiểu thuyết tiên phong.

Tiểu thuyết tiên phong Trung Quốc phát triển nở rộ từ năm 1985 đến năm 1989. Đến đầu những năm 1990, một số tiểu thuyết gia từng sáng tác trên quan điểm văn học tiên phong đã có sự chuyển hướng nhất định.

Nếu phân chia theo thể hệ thì các nhà văn tiên phong thuộc thể hệ đầu tiên có Vương Mông, Tông Phác, Cao Hành Kiện, Như Chí Quyên, Mã Nguyên, Mạc Ngôn, Tàn Tuyết... Nhà văn tiên phong thể hệ thứ hai có Dư Hoa, Cách Phi, Tô Đồng, Lưu Sách Lạp, Hồng Phong, Tôn Cam Lộ, Phan Quân...

Sự phát triển của tiểu thuyết tiên phong chia làm hai giai đoạn: (i) Giai đoạn thứ nhất nghiêng về tự sự cách mạng, được đại diện bởi các sáng tác của Mã Nguyên, Mạc Ngôn, Tàn Tuyết; (ii) Giai đoạn thứ hai nghiêng về thực nghiệm ngôn ngữ, tìm hiểu sinh tồn, đại diện bởi các sáng tác của Cách Phi, Tôn Cam Lộ, Dư Hoa.

Tiểu thuyết tiên phong trải qua hai cao trào phát triển: nghiêng về tự sự đại lịch sử (1980-1986); chú trọng tính bản năng của văn bản tự sự (1987-1990). Sau đó tiểu thuyết tiên phong có phần đi xuống, từ năm 1990 lại một lần phục hưng nhưng có sự chuyển hướng sáng tác rõ rệt với các đại diện là Tô Đồng, Dư Hoa, Cách Phi, Tôn Cam Lộ, Lỗ Dương, Hàn Đông, Trần Nhiễm, Chu Văn, Lâm Bạch, Đông Tây, Hải Nam,...

3. Quá trình chuyển hướng sáng tác của các tiểu thuyết gia tiên phong

Các nhà “tiểu thuyết tiên phong” phải trải qua một quá trình sáng tạo mới để có được những bộ tiểu thuyết tiên phong đích thực. “Chủ nghĩa hiện đại đã mở ra chân trời mới cho tiểu thuyết tiên phong” (Lý Bình, 2004). Trong một số tiểu thuyết tiên phong, “nhân vật, sự kiện luôn luôn chỉ là

dấu hiệu tự sự và đầy ắp những sự kiện lộn xộn mang khoái cảm tự sự...” (Vương Tiên Bái, 2006: 115).

Từ thập niên 1990, một số nhà văn tiên phong đã lần lượt chuyển hướng sáng tác, thậm chí rời bỏ hoàn toàn tinh thần và lý tưởng tiên phong mà họ đã tôn sùng trước kia. Trong sự chuyển hướng sáng tác, “tiểu thuyết tiên phong vẫn tiến lên phía trước để gìn giữ nét đặc biệt của lịch sử. Mảnh đất lịch sử đã nuôi dưỡng nhà văn tiên phong, nhà văn tiên phong cũng đưa đến ánh sáng huy hoàng cho lịch sử ... khiến không gian văn học đương ... vươn tới góc ký ức bí ẩn cá nhân” (Tạ Hữu Thuận, 1994). Lịch sử trong tiểu thuyết tiên phong luôn luôn tồn tại giữa hiện thực và tiểu thuyết, “khi các nhà văn tiên phong không có cách nào ứng phó với hiện thực, lịch sử cũng trở thành nơi tránh nạn tinh thần của nhà văn” (Vương Tiên Bái, 2006: 118).

Trong sự chuyển hướng sáng tác, nhóm nhà văn tiên phong còn có sự phân hóa, có người vẫn giữ vững lập trường tiên phong như Tân Tuyết; có người nhất thời ngừng sáng tác tiểu thuyết như Mã Nguyên; lại có nhà văn sau khi điều chỉnh dần dần quay lưng lại với khuynh hướng “sáng tác tiên phong”. Sự chuyển hướng sáng tác của nhà văn tiên phong trở thành một hiện tượng phổ biến, được chú ý, có nhà phê bình gọi hiện tượng này là “chung kết của tiên phong” (Mạnh Phồn Hoa, 2000). Sự chuyển hướng rõ rệt nhất thể hiện trong tiểu thuyết của nhóm nhà văn tiên phong xung kích như Dư Hoa, Tô Đồng, Mạc Ngôn, Lâm Bạch... và một số nhà văn “thời đại tân sinh” (nhà văn thế hệ mới sinh, sinh sau năm 1960), “hậu 70” (nhà văn sinh sau năm 1970). Tuy nhiên, mỗi nhà văn chuyển hướng theo những cách khác nhau: Dư Hoa nghiêng về tự sự lịch sử; Tô Đồng tiếp cận gần hơn với hiện thực

đời sống; Mạc Ngôn sáng tác về dân gian; Lâm Bạch cũng tập trung viết về dân gian và đời sống của tầng lớp dưới trong xã hội.

3.1. Tiểu thuyết gia tiên phong quay về tự sự truyền thống

Trong những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, những nhà văn tiên phong đại diện cho sự chuyển hướng sáng tác quay về tự sự truyền thống có Dư Hoa, Tô Đồng, Mạc Ngôn và Lâm Bạch.

Dư Hoa được coi là nhà văn mở đường cho “tiểu thuyết tiên phong” và cũng là người có dấu hiệu chuyển hướng rõ rệt nhất. Tiểu thuyết của Dư Hoa chia thành hai giai đoạn: giai đoạn đầu từ năm 1987-1990 và giai đoạn chuyển hướng sáng tác từ năm 1990-1995. Sáng tác của Dư Hoa tìm hiểu hình thức, biểu hiện chủ yếu của phê phán hiện thực ở hai phương diện: thứ nhất là thể hiện khổ nạn và chết chóc; thứ hai là tố cáo tội ác và bạo lực (Ngô Nghĩa Cần, 2000). Trong giai đoạn đầu, Dư Hoa coi trọng “tự sự”, quan tâm đến hình thức câu chuyện. Sau khi chuyển hướng, Dư Hoa cho rằng, “nhân vật trong tiểu thuyết trước đây của tôi đều là dấu hiệu của tự sự, khi đó tôi cho rằng, nhân vật không cần có tiếng nói của bản thân, họ chỉ cần truyền đạt tiếng nói của tự sự là đủ, người tự sự giống như là Thượng đế biết hết mọi sự. Nhưng đến *Gào thét trong mưa gió*, tôi bắt đầu ý thức được nhân vật cần có tiếng nói của mình. Tôi nên tôn trọng tiếng nói của họ, hơn nữa tiếng nói của họ còn phong phú hơn tiếng nói của người tự sự” (Dư Hoa, 1999).

Từ năm 1991 đến năm 1993, Dư Hoa lần lượt xuất bản các tác phẩm *Gào thét trong mưa gió*, *Phải sống*, *Hứa Tam Quan bán máu...* - những tác phẩm thể hiện sự chuyển hướng đầu tiên của nhà văn. Tác phẩm *Phải sống* đã rời bỏ bút pháp tự sự tiên vệ của tiên phong, quay về phương

thức tự sự truyền thống, còn “*Gào thét trong mưa gió* ... cũng là bắt đầu một sự thay đổi trong sáng tác của nhà văn này” (Ôn Nho Mãn, Triệu Tô Mạc, 2002: 341), “tiêu chí chuyển hướng cuối cùng trong nghệ thuật của Dư Hoa chính là tiểu thuyết *Hứa Tam Quan bán máu* xuất bản năm 1995” (Ngô Nghĩa Cần, 2000).

Dù Dư Hoa tuyên bố “tôi mãi mãi là một nhà văn của phái tiên phong”, nhưng trên thực tế, những tiểu thuyết sau này của ông “rời xa tiểu thuyết tiên phong về cả khuynh hướng mục đích chủ yếu lẫn hình thức và kỹ xảo tự sự nói chung” (Hồng Tử Thành, 1999: 339). Dư Hoa của lúc đó dường như “rời bỏ nhiệt tình thể nghiệm tự sự, trở thành một người theo chủ nghĩa hiện thực thành thực” (Lục Mai, 2003: 159).

Sự chuyển hướng của Tô Đồng không nhanh chóng như Dư Hoa mà phải qua hai lần điều chỉnh. Ban đầu, Tô Đồng chưa hẳn đã xác lập được vị trí của mình trên văn đàn tiên phong nhưng “đã chú ý đến kinh nghiệm kỹ xảo tự sự hiện đại, đồng thời cũng không rời bỏ câu chuyện có tính cổ điển, kể chuyện lưu loát, dễ hiểu, tìm thấy sự hài hòa trong kinh nghiệm kỹ xảo tự sự” (Hồng Tử Thành, 1999: 342). Chỉ đến năm 1987, tác phẩm *Chạy thoát năm 1934* mới chính thức đưa Tô Đồng lên văn đàn tiên phong.

Từ năm 1989, phong cách sáng tác của Tô Đồng bắt đầu thay đổi, từ chủ trọng hình thức chuyển sang chú trọng câu chuyện. Tác phẩm thể hiện sự điều chỉnh đầu tiên của Tô Đồng là *Bầy đàn thê thiếp* (1989), tuy nhiên, đây chưa phải là dấu hiệu triệt để rời xa tiên phong thực sự của Tô Đồng. Lần điều chỉnh thứ hai với tiểu thuyết *Ngói vỡ* (1998), *Vì sao rắn biết bay?* (2002)... mới cho thấy Tô Đồng đã triệt để giã từ tiểu thuyết tiên phong. Tiếp đó, *Bích Nô* (2006) phát huy

hết thế mạnh của Tô Đồng để đạt hiệu quả phản ánh lịch sử chân thực hơn. Tác phẩm *Bờ sông* (2009) viết về hiện thực nông thôn Trung Quốc, thể hiện sự chuyển hướng hoàn toàn trong sáng tác của Tô Đồng. Sau khi chuyển hướng sáng tác, Tô Đồng cho rằng, “sự kiện lịch sử cần có một tuyến tố; con người vận động trong lịch sử, nhân vật cần khác họa tính cách; tình tiết câu chuyện cần có tiết tấu” (Chu Tân Dân, Tô Đồng, 2004).

3.2. Tiểu thuyết gia tiên phong chuyển hướng viết về dân gian

Nhà văn tiên phong chuyển hướng sáng tác viết về dân gian rõ nhất là Mạc Ngôn, Lâm Bạch.

Mạc Ngôn cho rằng, sự chuyển hướng của văn học tiên phong chính là viết về dân gian, “sáng tác dân gian yêu cầu bạn từ bỏ lập trường của phần tử trí thức, bạn cần phải dùng tư duy của dân chúng để tư duy. Nếu không, dân gian dưới ngòi bút của bạn chính là dân gian sơ sài, chính là ngụ dân gian” (Xem: Mạc Ngôn, 2002).

Tiểu thuyết của Mạc Ngôn là thể giới cảm quan đặc biệt, thoải mái, tự do, thần bí, siêu việt, thể hiện rõ sắc thái tiên phong. Với cái nhìn sắc nhọn, Mạc Ngôn khá bình thản khi viết về cuộc sống hoang dã ở miền Đông Bắc Cao Mật. Nhà văn đã cách tân phương pháp sáng tác để có một loạt tác phẩm viết về Cao Mật, từ đó thể hiện góc khuất của lịch sử Trung Quốc trong khoảng 100 năm. Tiểu thuyết của Mạc Ngôn lấy “phương thức thẩm mỹ và tinh thần thẩm mỹ mang sức mạnh của thể giới nghệ thuật kỳ dị mô xê truyền thống”, “có hai sức cuốn hút bởi tính cách mạng và tính phá hoại” (Trần Tư Hòa, 2002: 170). *Đàn hương hình* (2001) thể hiện rõ nhất sự chuyển hướng trong sáng tác của Mạc Ngôn. Đây là cuốn tiểu thuyết “có ý thức lùi một bước lớn” (Mạc Ngôn, 2001:

518). Nhà văn dùng số lượng lớn tục ngữ, ngôn ngữ, ca dao, dân ca, khiến cho “toàn bộ cuốn tiểu thuyết giống như bài dân ca của nghệ nhân dân gian hay một cuốn tiểu thuyết Bạch thoại lưu truyền trong dân gian” (Hồng Trị Cương, 2005: 282).

Lâm Bạch là tiêu điểm tranh luận trên văn đàn Trung Quốc bởi “sáng tác *siêu đạo đức* của nhà văn được coi là có một số quan niệm cấm kỵ đối với việc xác định chế độ nam quyền, là sự phản đối sắc nét hình tượng nữ giới tồn tại từ bao lâu nay” (Trần Hiểu Minh, 1995). Lâm Bạch chuyển hướng sáng tác vào năm 2003 với *Van vật nở hoa*. Tiểu thuyết này không giống bất cứ tiểu thuyết nào trước đây của nhà văn. Tầm nhìn trong tác phẩm đã tiếp cận gần sự thể nghiệm cá nhân và ký ức cá nhân, tập trung vào dân gian và tầng lớp dưới. Ngoài ra, *Phụ nữ nhân khanh lục* (2004) thể hiện rõ việc nhà văn đi từ “cá nhân” hướng ra “xã hội”, chuyển hướng ra dân gian, không ngừng tăng cường những ghi chép về nhân văn dân gian.

3.3. Tiểu thuyết gia tiên phong “thời đại tân sinh” và “hậu 70” quay về phản ánh đời sống hiện thực và sáng tác tự giác

Tiểu thuyết gia tiên phong “thời đại tân sinh” chuyển hướng chú trọng về hình thức sáng tác và phản ánh hiện thực đời sống. Không giống với các nhà văn tiên phong khác theo đuổi cách mạng hình thức, tiêu chí sáng tác nổi bật nhất của nhóm nhà văn “thời đại tân sinh” là khuynh hướng cá nhân hóa. Tiêu biểu trong nhóm này có Cách Phi, Hoa Phi Vũ, Bắc Thôn, Trương Mán, Lỗ Dương, Hà Đôn, Hàn Đông, Trần Nhiễm, Từ Khôn, Lưu Kế Minh, Khâu Hoa Đông, v.v. ...

Cách Phi đã thành công trong việc bổ sung “chỗ trống tự sự”. Các tác phẩm mang tính tiên phong rõ nhất như *Mê chu*

(1986), *Bầy chim màu tro* (1988), v.v... đều thể hiện sự thể nghiệm về hình thức, phá vỡ hoàn toàn kết cấu của tiểu thuyết truyền thống. Năm 1995, tiểu thuyết *Lá cờ đục vọng* đánh dấu sự chuyển hướng sáng tác của nhà văn bằng hứng thú với hiện thực và đời sống của giới trí thức. Năm 2004, tiểu thuyết *Nhân diện đào hoa* sử dụng một loạt ngôn ngữ tự sự tinh xảo, đồng thời kết hợp các thể loại như văn bia, minh, thi, thư, truyện..., khiến tác phẩm mang đậm dấu ấn truyền thống. Vì vậy, ở một ý nghĩa nhất định, *Nhân diện đào hoa* có thể coi là một tác phẩm thể hiện sự chuyển hướng rõ nhất của Cách Phi.

Hoa Phi Vũ bắt đầu sáng tác từ thập niên 1980 và được độc giả biết đến với *Hòn đảo cô đơn* (1990). Thời kỳ đầu, giống như các tiểu thuyết gia tiên phong khác, Hoa Phi Vũ không chú trọng hình tượng cụ thể trong cuộc sống mà theo đuổi thẩm mỹ trừu tượng, trừu tượng. “Từ năm 1993 đến năm 1994, Hoa Phi Vũ quá dù chất tiên phong” (Thi Chiển Quân, 2004: 176).

Từ năm 1992, Bắc Thôn quay về với sáng tác hiện thực đời sống. Trong sự chuyển hướng sáng tác, nhà văn khai thác khá sâu khía cạnh tinh thần và giá trị nhân tính của con người. Những tác phẩm tiêu biểu cho sự chuyển hướng của Bắc Thôn có *Vỡ Tắc Thiên* (2003), *Tình yêu của Mã Trác* (1994), *Trông chờ em* (2003), *Kính* (2010), *Phản nộ* (2004), *Phát sốt* (2004)... đều thể hiện sự chuyển hướng, phản ánh đời sống hiện thực.

Tiểu thuyết gia tiên phong “hậu 70” chuyển hướng sáng tác tự giác, viết nhiều về tuổi trẻ và ước vọng nhân sinh. Một số nhà văn mỹ nữ như Vệ Tuệ, Miên Miên, Chu Khiết Như, v.v... đã viết với tư thế đầy năng động, sáng tạo. Bước vào thế kỷ XIX, “nhà văn hậu 70” nổi lên với những cái tên

như Đới Lai, Lý Tu Văn, Thịnh Khả Dĩ, Chu Văn Dĩnh, Ngụy Vi, v.v... Đó là nhóm nhà văn có đóng góp không nhỏ trên văn đàn Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XIX. Mặc dù mỗi thành viên trong nhóm này có phong cách sáng tác khác nhau (Đới Lai thuần khiết, ôn hòa; Lý Tu Văn bi lụy; Thịnh Khả Dĩ chất phác,...), nhưng điểm giống nhau là họ tự thoát khỏi cái bóng của mình và viết về tầng lớp dưới cũng như đời sống hiện thực.

Từ năm 1996, Chu Văn Dĩnh đã viết tiểu thuyết (sớm hơn Đới Lai, Thịnh Khả Dĩ) và đuổi kịp cao trào đầu tiên của tác gia "hậu 70". Tài nữ vùng Tô Châu này được liệt vào hàng "tác gia mỹ nữ", nhưng tác phẩm của Chu Văn Dĩnh mang tính thực nghiệm mạnh mẽ. Tiểu thuyết *Giày cao gót* (2001) đánh dấu rõ nét nhất sự chuyển hướng của nhà văn, được coi là tác phẩm điển hình cho sự chuyển hướng của nhà văn "hậu 70". Nếu như trong *Giày cao gót* và *Nhân duyên nước* (2012) còn tìm thấy một số dấu tích thời kỳ đầu hoài cựu về Thượng Hải, về miền sông nước Giang Nam, thì tiểu thuyết *Đới nữ sĩ và màu xanh* (2004) là sản phẩm thay da đổi thịt của Chu Văn Dĩnh.

Nhà văn Đồng Lập Kiệt từng gây chấn động văn đàn miền Tây khi thử sức với kỹ xảo tiên phong trong sáng tác. Đến tác phẩm *Một loạt binh đoàn* (2003), nhà văn đã chinh phục được đông đảo độc giả. Còn tác phẩm *Thủy không đại địa* (2004) thì thể hiện khá rõ sự chuyển hướng sáng tác của nhà văn Phạm Ân.

4. Kết luận

Tiểu thuyết tiên phong Trung Quốc thời kỳ đầu đã gạt hái được những thành tựu đáng kể, nhưng các nhà văn tiên phong đã mạnh dạn chuyển hướng sáng tác, một số từ giả tiên phong đề tiếp cận gần hơn

với đời sống hiện thực, lịch sử và dân gian. Sự điều chỉnh tâm trạng, thái độ sáng tác của nhà văn cùng với sự thúc đẩy của cơ chế thị trường sách đã khiến tiểu thuyết tiên phong bắt nhịp cùng thời đại. Khi chuyển hướng sáng tác, các nhà văn tiên phong đã vững tin và lạc quan hơn trong trường cảnh sáng tác mới mẻ và hấp dẫn hơn những gì họ đã có trước kia. Chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, các nhà văn tiên phong Trung Quốc đã sớm thể nghiệm được nỗi lo lắng về thân phận dân tộc, thân phận văn hóa. Cũng chính từ ảnh hưởng của văn hóa phương Tây mà các nhà văn tiên phong như Tô Đông, Dư Hoa, Cách Phi, Mạc Ngôn, Hồng Phong, v.v... đều có những tác phẩm đánh dấu sự chuyển hướng trong thế kỷ mới.

Bất cứ nhà văn nào bắt đầu sự nghiệp sáng tác cũng hy vọng tác phẩm của mình được lịch sử thừa nhận, nhưng lịch sử quá cách xa họ, cho nên càng hy vọng được xã hội thừa nhận. Mỗi tác phẩm là "một tiêu bản hiện thực" và một nhà văn nếu vẫn sống trong xã hội hiện thực thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sự cảm dỗ của hiện thực. Đó cũng là nguyên nhân và động lực chuyển hướng sáng tác của các nhà văn tiên phong.

Tiểu thuyết tiên phong là một hiện tượng quan trọng trong tiến trình phát triển văn học Trung Quốc đương đại. Tuy gặp nhiều lúng túng nhưng "tiểu thuyết tiên phong" đã tạo một ý nghĩa mới mẻ cho tiểu thuyết Trung Quốc đương đại. Sự chuyển hướng của các nhà văn tiên phong những năm gần đây đã mở ra một chân trời mới cho tiểu thuyết Trung Quốc □

Tài liệu tham khảo (tiếng Trung)

1. Vương Tiên Bái (2006), *Báo cáo điều tra một số tình hình sáng tác văn học*

- từ thế kỷ mới đến nay*, Nxb. Văn nghệ Xuân Phong.
2. Lý Bình (2004), “Đur Hoa và sự thay đổi của tiểu thuyết tiên phong”, *Diễn đàn phương Đông*, số 5.
 3. Ngô Nghĩa Căn (2000), “Cáo biệt hình thức hư ngụy - ý nghĩa trong *Hứa Tam Quan bản máu* của Đur Hoa”, *Tranh luận văn nghệ*, số 1.
 4. Matei Calinescu (2003), *Năm gương mặt mang tính hiện đại*, Nxb. Thương vụ.
 5. Hồng Trị Cương (2005), *Trống chờ vào tiên phong - thủ bản về sự phát triển của văn học tiên phong đương đại Trung Quốc*, Nxb. Đại học sư phạm Quảng Tây.
 6. Chu Tân Dân, Tô Đồng (2004), “Mờ ra nếp gấp của nhân tính: ghi chép về cuộc phóng vấn Tô Đồng”, *Phê bình tiểu thuyết*, số 2.
 7. Tô Đồng (1992), *Chuyện là thế nào? Phấn hồng*, Nxb. Văn nghệ Trường Giang.
 8. Đur Hoa (2005), “Tôi cần phát ngôn hiện thực”, *Báo Phương Nam cuối tuần*, ngày 8/9.
 9. Đur Hoa (1999), *99 biểu hiện mới trong tiểu thuyết của Đur Hoa*, *Lời nói đầu*, Nxb. Thế giới mới.
 10. Mạnh Phồn Hoa (2000), “Thập niên 90: chung kết của văn học tiên phong”, *Tạp chí Nghiên cứu văn nghệ*, số 6.
 11. Trần Tư Hòa (2002), *Mười từ khóa của văn học Trung Quốc đương đại Từ sự dân gian trong tiểu thuyết của Mạc Ngôn gần đây*, Nxb. Đại học Phúc Đán.
 12. Thi Chiến Quân (2004), *Bản về Hoa Phi Vũ*, Nxb. Nhân dân Văn Nam.
 13. Lục Mai (2003), *Đur Hoa: khó khăn và siêu việt trong sáng tác*, Nxb. Lâm học.
 14. Ôn Nho Mẫn, Triệu Tô Mạc (2002), *Nghiên cứu chuyên đề văn học đương đại Trung Quốc*, Nxb. Đại học Bắc Kinh.
 15. Trần Hiệu Minh (1995), “Bước vào nơi sâu thẳm của ký ức nữ giới”, *Báo Tác gia*, ngày 9/12.
 16. Mạc Ngôn (2001), *Đàn hương hình. Hậu ký*, Nxb. Tác gia.
 17. Mạc Ngôn (2002), “*Ngọn nguồn dân gian sáng tác của văn học*”, *Tạp chí Phê bình tác gia đương đại*, số 1.
 18. Hồng Tử Thành (1999), *Lịch sử văn học đương đại Trung Quốc*, Nxb. Đại học Bắc Kinh.
 19. Tạ Hữu Thuận (1994), “Chung kết thời đại lịch sử: quay về đương đại - bàn về sự chuyển hướng của nhà văn tiên phong”, *Phê bình tác gia đương đại*, số 2.
 20. Lý Lăng Tuấn, Tăng Duy Bình (2003), “Mã Nguyên: tôi rất dễ tính”, *Mạng Tân hoa*, ngày 31/10.
 21. La Vọng Từ (2000), “Mùa xuân đánh thức kẻ ngủ đông dậy”, *Phê bình tiểu thuyết*, số 2.